

Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng

Đào Mỹ Hằng - Đoàn Thị Huyền, Trịnh Thùy Trang, Vũ Thị Phương Anh, Phùng Minh Châu

Học viện Ngân hàng

Ngày nhận: 21/01/2021

Ngày nhận bản sửa: 15/08/2022

Ngày duyệt đăng: 22/08/2022

Tóm tắt: Trên thế giới, BigTech đã và đang tham gia vào rất nhiều hoạt động trên thị trường tài chính, trong đó có cung cấp tín dụng. Việc BigTech lấn sang mảng tín dụng gây áp lực cho các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và ngân hàng thương mại nói riêng. Nghiên cứu này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng, sử dụng mô hình khả

Factors affecting to the probability of BigTech expanding to credit segment

Abstract: BigTech has been involved in many financial services in the financial market all over the world, including providing credit. This exerts a lot of pressures on the economy in general and commercial banks in particular. Therefore, this study explored the factors affecting the ability of BigTech in expanding its financial activities into the credit sector in a country, thereby analyzing the possibility of BigTech expanding into this field in Vietnam. The study applied a linear probability model with a sample of observing data from 43 countries, including 12 countries where BigTech has been involved in the credit sector. Data are collected in 2016. It is concluded that there are 6 factors that affect BigTech's ability to expand into the credit sector, including: (i) Economic crisis; (ii) Bank's monopoly capacity index (the Lerner Index); (iii) Credit to Private non-financial sector from Banks; (iv) Mobile phone usage rate; (v) GDP growth rate; and (vi) GDP growth rate squared. Specifically, the Lerner Index, Credit to Private non-financial sector from Banks, Mobile phone usage rate and GDP growth rate squared have positive impacts on the possibility of BigTech expanding into the credit sector and the remaining have negative impacts on this possibility. From the above research results, the authors have related to the status of influencing factors in Vietnam and proposed some recommendations to encourage BigTech to develop as well as limit the risks they bring to Vietnamese commercial banks.

Keywords: BigTech, Credit, Commercial Bank, Probability BigTech, Factors.

Dao, My Hang

Email: myhang@hvn.edu.vn

Doan, Thi Huyen

Trinh, Thuy Trang

Vu, Thi Phuong Anh

Phung, Minh Chau

Organization of all: Banking Academy of Vietnam

năng tuyến tính với mẫu quan sát là dữ liệu từ 43 quốc gia, trong đó có 12 quốc gia có BigTech tham gia vào lĩnh vực tín dụng vào năm 2016. Kết quả nghiên cứu cho thấy 6 nhân tố, bao gồm: Chỉ số năng lực độc quyền của ngân hàng, Tín dụng dành cho khu vực phi tài chính cá nhân, Tỷ lệ sử dụng điện thoại di động và Tốc độ tăng trưởng GDP bình phương có tác động tích cực tới khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng; các nhân tố Khủng hoảng kinh tế và Tốc độ tăng trưởng GDP có tác động tiêu cực tới khả năng này. Từ kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đã liên hệ đến trường hợp của Việt Nam để đề xuất một số kiến nghị nhằm khuyến khích BigTech phát triển và hạn chế rủi ro mà họ đem lại cho các NHTM Việt Nam.

Từ khóa: BigTech, Tín dụng, Ngân hàng thương mại, Khả năng BigTech, Các nhân tố

1. Giới thiệu

BigTech là tên gọi dành riêng cho các công ty công nghệ lớn khi họ tham gia cung ứng dịch vụ tài chính (MĂRĂCINE và cộng sự, 2020). Các BigTech thường áp dụng công nghệ trong việc phát triển các phần mềm một cách nhanh chóng, điều này mang lại cho họ khả năng cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhanh nhu cầu và mong muốn của người dùng. Đề cập đến các BigTech, tại Mỹ có thể kể tới Google, Amazon, Facebook và Apple, trong khi tại Trung Quốc, các BigTech bao gồm Baidu, Alibaba và Tencent. Tại Việt Nam, BigTech chính thức xuất hiện với sự ra mắt của Mobile Money do ba tập đoàn viễn thông lớn nhất Việt Nam là VNPT, Viettel và Mobifone triển khai. Dịch vụ Mobile Money cho phép mọi người có thể gửi/nhận tiền, chi tiêu, thanh toán các dịch vụ qua mạng điện thoại. Như vậy, BigTech đã xuất hiện tại nhiều nơi trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Big Tech có thể nắm bắt nhu cầu sử dụng dịch vụ tài chính của khách hàng trong hệ sinh thái của mình nhờ vào thế mạnh về công nghệ (Frost và các cộng sự, 2020). Cụ thể, với khả năng ứng dụng những tiến bộ của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, máy học, Internet vạn vật kết nối và các công

nghệ 4.0 khác, các BigTech đã xâm nhập vào lĩnh vực tài chính với hoạt động thanh toán và nhanh chóng mở rộng sang các lĩnh vực khác như cung cấp tín dụng, dịch vụ ngân hàng, huy động vốn cộng đồng, quản lý tài sản và bảo hiểm. Theo MĂRĂCINE và các cộng sự (2020), hoạt động tín dụng của BigTech đang tăng trưởng nhanh ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đông Nam Á và một số quốc gia ở châu Phi và Mỹ La-tinh.

Kinh doanh tín dụng BigTech là loại hình kinh doanh mà khoản vay được cung cấp bởi công ty công nghệ lớn. Frost và cộng sự (2020) cho rằng mô hình kinh doanh này rất khác biệt, vì nó là sự kết hợp của hai tính năng chính: (i) hiệu ứng mạng (được tạo ra bởi các nền tảng thương mại điện tử, ứng dụng nhắn tin, công cụ tìm kiếm...), và (ii) công nghệ (trí tuệ nhân tạo sử dụng dữ liệu lớn...). Tóm lại, các BigTech truy cập, khai thác và phân tích dữ liệu lớn từ mạng lưới hiện có của họ rồi phân tích nhu cầu của khách hàng và tư vấn, cung cấp các dịch vụ tài chính phù hợp. Đầu tiên, BigTech thường bắt đầu xâm nhập vào lĩnh vực thanh toán điện tử. Do sự tiện lợi và dễ dàng trong việc sử dụng, BigTech có thể đe dọa tới hoạt động thanh toán của các tổ chức tài chính nói chung và ngân hàng thương mại (NHTM) nói riêng. BigTech

có thể tiếp tục lấn sân sang các dịch vụ cốt lõi khác của các NHTM, điển hình là dịch vụ tín dụng. Một số ví dụ đã xảy ra trong thực tiễn trên thế giới, như công ty BigTech Ant Financial (Trung Quốc) đã ra mắt ứng dụng thanh toán Alipay vào năm 2002, tiếp tục cho ra mắt AliLoan vào năm 2007 và MYBank vào năm 2015 với mục đích cho vay sau khi có được sự ủng hộ nhất định từ người sử dụng cho dịch vụ đầu tiên (David Oliver Bonde & Jannik Ellegaard Hove Pedersen, 2018).

Trong bài viết này, nhóm tác giả tập trung nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng tại 43 quốc gia năm 2016, từ đó phân tích, đưa ra một số kiến nghị khuyến khích BigTech phát triển và hạn chế rủi ro của BigTech đến các NHTM Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Một số tác giả đã thực hiện các nghiên cứu về BigTech, tín dụng BigTech (các khoản cấp tín dụng được cung cấp bởi các BigTech) và một số vấn đề liên quan. Nhìn chung, các nghiên cứu trên thế giới cũng như tại Việt Nam về BigTech và tín dụng BigTech còn khá hạn chế.

Về tín dụng BigTech: Cornelli, Giulio và cộng sự (2021) đã sử dụng phương pháp định tính kết hợp định lượng với dữ liệu từ 79 quốc gia từ năm 2013 đến 2018, cho thấy thị trường tín dụng trên thế giới đang trải qua một sự chuyển đổi sâu sắc. Fintech và BigTech đang tập trung cung cấp tín dụng tới các hộ gia đình và doanh nghiệp nhỏ. Kết quả nghiên cứu ước tính dư nợ tín dụng tại Fintech đạt 223 tỷ USD vào năm 2019, trong khi dư nợ tín dụng tại các BigTech đạt 572 tỷ USD. Theo đó, cả tín dụng Fintech và BigTech sẽ càng tăng khi GDP bình quân đầu người càng tăng, hoặc tín dụng FinTech và BigTech cũng sẽ tăng

khi tỷ trọng ngành ngân hàng trong nền kinh tế cao hơn và luật ngân hàng ít nghiêm ngặt hơn.

Về mối liên hệ giữa BigTech và sự thay đổi cấu trúc của các trung gian tài chính

Theo Frost và cộng sự (2020), các công ty BigTech thường bắt đầu từ hoạt động thanh toán, sau đó mở rộng sang việc cung cấp các sản phẩm tín dụng, bảo hiểm và quản lý tiền tệ, trực tiếp hoặc hợp tác với các đối tác tổ chức tài chính. Đối với hoạt động tín dụng, tác giả cho rằng các công ty BigTech cho vay nhiều hơn ở các quốc gia có lĩnh vực ngân hàng kém cạnh tranh hơn và quy định ngân hàng ít nghiêm ngặt hơn. Phân tích trường hợp Argentina, tác giả cho rằng các tổ chức tín dụng (TCTD) BigTech có lợi thế hơn trong việc đánh giá tín dụng so với các TCTD truyền thống do BigTech có khả năng thu thập một lượng lớn các thông tin về khách hàng mà ngân hàng không thể thu thập được. Tác giả đã đưa ra những bằng chứng cho thấy tác động của tín dụng BigTech đối với sự ổn định tài chính và phúc lợi kinh tế tổng thể. Tuy nhiên, nó cũng có thể gây ra những rủi ro cho hệ thống tài chính. Nội dung này được tác giả lượng hóa qua mô hình khả năng tuyến tính với mẫu quan sát bao gồm 64 quốc gia có tín dụng FinTech (các khoản vay được cung cấp bởi các công ty Fintech) trong khoảng thời gian từ năm 2010- 2017 nhưng dữ liệu không thống nhất về mặt thời gian. Các tác giả này đã đưa các biến GDP bình quân đầu người, GDP bình quân đầu người bình phương, Mật độ chi nhánh ngân hàng, Chỉ số năng lực độc quyền của ngân hàng, Chỉ số quy định bình thường hóa, Khủng hoảng kinh tế, Tỷ lệ sử dụng điện thoại di động trên 100 người, Tín dụng trong khu vực phi tài chính cá nhân và Tốc độ tăng trưởng GDP vào mô hình. Kết quả nghiên cứu cho thấy

rằng GDP bình quân đầu người và Chỉ số năng lực độc quyền của ngân hàng có tác động cùng chiều, trong khi GDP bình quân đầu người bình phương và Mật độ mạng lưới chi nhánh có tác động ngược chiều tới khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.

Về nguy cơ, rủi ro của BigTech, FinTech đem lại cho ngân hàng

Theo Stulz (2019), BigTech có một số lợi thế cung cấp các sản phẩm dựa vào công nghệ mà các ngân hàng sẽ khó tạo ra những sản phẩm tương tự. BigTech có thể gây ra thách thức lớn hơn đối với ngân hàng hoạt động trong hai lĩnh vực chính: tài chính tiêu dùng và cho vay các doanh nghiệp nhỏ. BigTech đang khiến các ngân hàng mất đi lợi thế so sánh vốn có do BigTech có thể tiếp cận nhanh chóng với thông tin về các bên đang tìm kiếm tín dụng. Mức độ mà các ngân hàng thành công trong việc ngăn chặn các mối đe dọa như vậy sẽ phụ thuộc vào: (1) khả năng áp dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả, thậm chí tốt hơn công nghệ mà các đối thủ cạnh tranh đang sử dụng; và (2) sự thành công của họ trong việc hiện thực hóa quy mô và phạm vi kinh tế mà các đối thủ cạnh tranh phi ngân hàng của họ khó có thể sánh kịp. Nghiên cứu này đã làm rõ một số nội dung bằng phương pháp định tính nhưng chưa lượng hóa thành mô hình nghiên cứu.

Sự cạnh tranh trong phân khúc cho vay tiêu dùng giữa các ngân hàng và các FinTech/BigTech đối với việc cung cấp sản phẩm tín dụng thay thế đã được nghiên cứu bởi Kowalewski và cộng sự (2021). Nhóm tác giả đã sử dụng cơ sở dữ liệu của 72 quốc gia trong giai đoạn 2013-2018 và nhận thấy rằng tại các thị trường phát triển, mối quan hệ giữa các nhà cung cấp tín dụng FinTech/BigTech và các ngân hàng là tương tự và có tính cạnh tranh. Cho vay tiêu dùng của

các ngân hàng tăng trưởng cùng với sự phát triển của thị trường tín dụng FinTech, tuy nhiên có sự giảm sút sau khi tín dụng BigTech xuất hiện. Các BigTech đã tạo sức ép cạnh tranh với ngân hàng và đẩy một số dịch vụ ngân hàng ra khỏi thị trường, cả ở các nền kinh tế mới nổi và phát triển. Bài nghiên cứu chỉ đơn thuần áp dụng phương pháp định tính để đưa ra quan điểm tín dụng BigTech có thể được coi là một đối thủ lớn trong việc xử lý thông tin tín dụng với các hoạt động tín dụng tại ngân hàng mà chưa sử dụng đến mô hình lượng hóa.

3. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu này kế thừa giả thuyết và mô hình nghiên cứu của Frost và cộng sự (2020) và đề xuất thêm một nhân tố là Tốc độ tăng trưởng GDP bình phương để kiểm định khi quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng mạnh hơn thì có hay không tác động tới khả năng mở rộng của BigTech sang lĩnh vực tín dụng. Do đó, nhóm nghiên cứu đã xác định 8 nhân tố trong mô hình nghiên cứu và đưa vào giả thuyết:

H1: Chỉ số năng lực độc quyền của ngân hàng (LI) ảnh hưởng cùng chiều với khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.

H2: GDP bình quân đầu người (GP) ảnh hưởng cùng chiều với khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.

H3: GDP bình quân đầu người bình phương (GPS) ảnh hưởng ngược chiều với khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.

H4: Tín dụng trong khu vực phi tài chính cá nhân (CRE) ảnh hưởng cùng chiều với khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.

H5: Tốc độ tăng trưởng GDP (GG) ảnh hưởng ngược chiều với khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.

H6: Mật độ mạng lưới chi nhánh ngân hàng

Bảng 2. Giải thích các biến, nguồn số liệu và giả thiết của mô hình

STT	Ký hiệu biến	Tên biến	Giải thích các biến	Nguồn tham khảo	Dấu kì vọng	Nguồn dữ liệu	Thời gian của dữ liệu
1	BT	Khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng	Biến phụ thuộc, là biến giả, BT= 1 khi BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng tại quốc gia i, BT= 0 trong trường hợp ngược lại.	Frost và cộng sự (2020)			
2	LI	Chỉ số năng lực độc quyền của ngân hàng	Biến độc lập, biểu thị năng lực độc quyền của ngân hàng qua chỉ số Lerner	Frost và cộng sự (2020)	(+)	Ngân hàng Thế giới	2014 (dùng cho giai đoạn 2014-2016)
3	GP	GDP bình quân đầu người	Biến độc lập, biểu thị thu nhập bình quân đầu người của một quốc gia	Frost và cộng sự (2020)	(+)	Ngân hàng Thế giới	2016
4	GPS	GDP bình quân đầu người bình phương	Biến độc lập, biểu thị thu nhập bình quân đầu người bình phương	Frost và cộng sự (2020)	(-)	Ngân hàng Thế giới	2016
5	CRE	Tín dụng trong khu vực phi tài chính cá nhân	Biến độc lập, biểu thị tổng tín dụng dùng cho khu vực phi tài chính cá nhân	Frost và cộng sự (2020)	(+)	Ngân hàng Thanh toán Quốc tế	2010-2016 (giá trị trung bình)
6	GG	Tốc độ tăng trưởng GDP	Biến độc lập, biểu thị tốc độ tăng trưởng GDP	Frost và cộng sự (2020)	(-)	Ngân hàng Thế giới	2016
7	BB	Mật độ mạng lưới chi nhánh	Biến độc lập, biểu thị mật độ mạng lưới chi nhánh ngân hàng	Frost và cộng sự (2020)	(-)	Ngân hàng Thế giới	2016
8	MP	Tỷ lệ sử dụng điện thoại di động	Biến độc lập, biểu thị số lượng điện thoại di động bình quân được sử dụng trên 100 người trưởng thành (trên 18 tuổi)	Frost và cộng sự (2020)	(+)	Ngân hàng Thế giới	2016
9	GGs	Tốc độ tăng trưởng GDP bình phương	Biến độc lập, biểu thị tốc độ tăng trưởng GDP bình phương	Nhóm tác giả đề xuất	(+)	Ngân hàng thế giới	2016

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

(BB) ảnh hưởng ngược chiều với khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.
H7: Tỷ lệ sử dụng điện thoại di động (MP) ảnh hưởng cùng chiều với khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.
H8: Tốc độ tăng trưởng GDP bình phương (GGs) ảnh hưởng cùng chiều với khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.

Từ đó, nhóm tác giả đưa ra phương trình phản ánh mối quan hệ giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc là - khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng như sau:

$$BT_i = \beta_0 + \beta_1 LI_i + \beta_2 GP_i + \beta_3 GPS_i + \beta_4 CRE_i + \beta_5 GG_i + \beta_6 BB_i + \beta_7 MP_i + \beta_8 GGS_i + \varepsilon_i$$
Nhóm tác giả sử dụng mô hình Linear Probability Model- Mô hình khả năng

Bảng 3. Thống kê mô tả về các biến trong mô hình

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
BT	43	.2790698	.4538503	0	1
LI	43	.2827831	.1537383	-.03073	.82156
GP	43	33658.52	25106.1	1874.23	107480
GPS	43	1750000000	2340000000	3512738	11600000000
CRE	43	5248.79	9326.724	202.8859	49111.61
GG	43	2.417011	2.095553	-3.27592	8.256306
BB	43	22.83109	14.99271	5.43987	76.264
MP	43	123.2792	19.44251	84.52312	173.5055
GGS	43	10.13116	14.00611	.0375158	68.16659

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán, phần mềm hỗ trợ STATA 14

tuyến tính để đánh giá các nhân tố tác động đến khả năng BigTech tham gia lĩnh vực tín dụng. Các bước thực hiện:

- (1) Thu thập và xử lý dữ liệu
- (2) Chạy mô hình trên phần mềm STATA 14 để có được kết quả nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

Nhóm tác giả lấy số liệu nghiên cứu thứ cấp của 43 quốc gia trên thế giới năm 2016 từ nguồn số liệu là Ngân hàng Thế giới, các quốc gia này là các quốc gia có sự tham gia của các công ty FinTech trong nền kinh tế đồng thời có sẵn số liệu về tín dụng trong khu vực tài chính phi cá nhân. Trong số 43 quốc gia này, có 12 quốc gia có các công ty BigTech tham gia vào lĩnh vực tín dụng. Kết quả mô hình:

$$BT = -0,840 + 1,057LI + 0.000025CRE - 0,114GG + 0,00610MP + 0,0146GGS$$

Kết quả mô hình cho thấy, 6 trên 8 nhân tố trong mô hình (*LI*, *GP*, *CRE*, *BB*, *MP*, *GGS*) có mối quan hệ đồng biến với khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng, chỉ có 2 nhân tố (*GPS*, *GG*) tỷ lệ nghịch với khả năng BigTech tham gia vào lĩnh vực tín dụng, trong đó, 5 nhân tố có

Bảng 4. Kết quả phân tích hồi quy

Các biến độc lập	BT
GP	0.00000197
	(0.00000545)
BB	0.000217
	(0.00325)
CRE	0.000025***
	(0.00000353)
MP	0.00610**
	(0.00299)
GG	-0.114***
	(0.0367)
GGS	0.0146***
	(0.00509)
LI	1.057***
	(0.332)
GPS	-0
	(0.0000000000517)
Hằng số	-0.840**
	(0.381)
Số quan sát	40
R bình phương hiệu chỉnh	0.520

*** Độ tin cậy 99%, ** Độ tin cậy 95%, *Độ tin cậy 90%

Nguồn: Nhóm tác giả tính toán trên phần mềm STATA 14

bằng chứng về mặt thống kê về tác động tới biến phụ thuộc (LI, CRE, GG, MP, GGS). So sánh với các giả thuyết nghiên cứu tác giả đã nêu ra, kết quả nghiên cứu cho thấy rằng các giả thuyết về các biến CRE, MP, GG, GGS, LI là đúng, trong khi đó các giả thuyết về các biến GP, GP.S và BB là chưa chính xác, cụ thể:

Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, *Tốc độ tăng trưởng GDP (GG)* cứ tăng thêm 1% trong điều kiện các nhân tố khác không đổi thì khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng sẽ giảm 0,114%. Khi một quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP năm sau tăng cao hơn năm trước chứng tỏ giá trị thị trường của tất cả hàng hóa và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi một quốc gia trong năm biến động theo chiều hướng tăng lên so với năm trước đó. Từ đó có thể thấy hoạt động sản xuất của nền kinh tế đang đạt hiệu quả, hoạt động tín dụng truyền thông đang phát huy tác dụng, lượng người có nhu cầu vốn đang có thể tiếp cận vốn hiệu quả từ các kênh truyền thông nên khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng sẽ giảm sút.

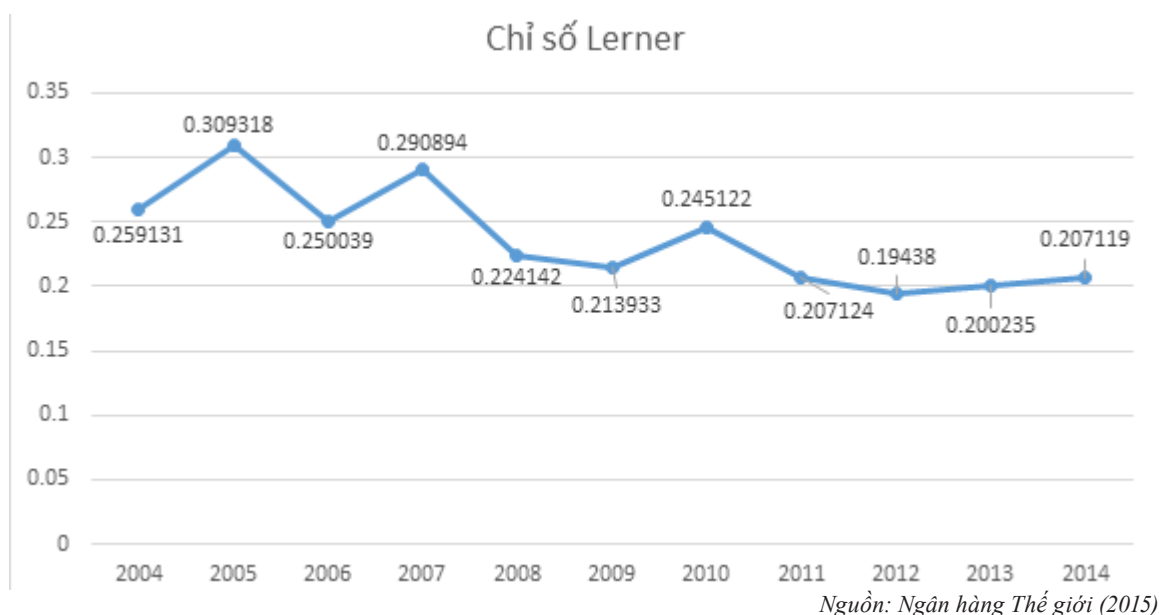
Tuy nhiên, *tốc độ tăng trưởng GDP bình phương (GGS)* cứ tăng thêm 1% thì khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng sẽ tăng thêm 0,0146%. Kết hợp với kết quả biến GG, có thể thấy tốc độ tăng trưởng GDP tăng khiến khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng giảm, tuy nhiên, khi GDP tăng đến một mức nhất định khiến tốc độ tăng trưởng GDP bình phương tăng thì khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng lại tăng lên. Điều này thể hiện rằng, khi một quốc gia có nền kinh tế phát triển ở mức độ cao hơn, tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và ổn định hơn, GDP tăng đến một mức nhất định sẽ là nền tảng vững chắc cho các BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng.

Tín dụng trong khu vực phi tài chính cá

nhân (CRE) cứ tăng thêm 1 tỷ USD, trong điều kiện các nhân tố khác không đổi thì khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng sẽ tăng nhẹ thêm 0,000025%. Khi chỉ số này càng cao đồng nghĩa với việc ngân hàng bỏ vốn càng nhiều vào các ngành phi tài chính. Điều này dẫn đến ngành tài chính ít được ngân hàng đầu tư hơn đồng nghĩa sẽ giúp BigTech có nhiều cơ hội đầu tư hơn. Do đó, khi tín dụng cho khu vực phi tài chính tăng lên thì khả năng BigTech tham gia vào lĩnh vực tín dụng cũng đồng thời tăng lên. Kết luận này trùng với kết quả của Frost và cộng sự (2020), tuy nhiên, kết quả mô hình của Frost chưa khẳng định được mối quan hệ này ở độ tin cậy 95%.

Trong điều kiện các nhân tố khác không đổi, cứ 1 điện thoại di động được sử dụng thêm trên 100 người trưởng thành tại một quốc gia thì khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng sẽ tăng thêm 0,00610%. *Tỷ lệ sử dụng điện thoại di động (MP)* và mức độ tiếp cận công nghệ của khách hàng tại quốc gia càng phổ biến càng tạo nền tảng cho việc gia tăng mức độ ưa thích những công nghệ cấp tín dụng mới được đưa ra bởi các công ty có thể mạnh công nghệ là BigTech. Đây cũng là kỳ vọng của Frost và cộng sự (2020), tuy nhiên, kết quả mô hình của Frost chưa khẳng định được mối quan hệ này ở độ tin cậy 95%.

Chỉ số năng lực độc quyền của ngân hàng (LI) cứ tăng thêm 1 đơn vị trong điều kiện các nhân tố khác không đổi thì khả năng BigTech mở rộng tín dụng sẽ tăng thêm 1,057%. Một quốc gia có chỉ số độc quyền càng cao thì càng có nhiều cơ hội cho các tổ chức phi ngân hàng tham gia vào lĩnh vực tài chính nói chung và tín dụng nói riêng để làm giảm mức độ độc quyền của ngành ngân hàng. Chiều hướng tác động của chỉ số về năng lực độc quyền của ngân hàng có kết quả tương đồng với nghiên cứu của Frost và cộng sự (2020). Quyền lực độc



Hình 2. Chỉ số năng lực độc quyền của Ngân hàng tại Việt Nam trong giai đoạn 2004- 2014

quyền của ngân hàng càng cao, giá dịch vụ do ngân hàng cung cấp có thể tăng cao để tìm kiếm thêm lợi nhuận khiến khách hàng phải bỏ ra nhiều chi phí hơn để sử dụng dịch vụ của họ. Tỷ suất lợi nhuận cao làm cho việc gia nhập lĩnh vực tín dụng trở nên hấp dẫn hơn đối với các BigTech. Việc BigTech cung cấp những sản phẩm với chi phí tương đối thấp sẽ tạo ra sự hấp dẫn đối với khách hàng.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Frost và cộng sự (2020), kết quả nghiên cứu này có một số điểm khác với nghiên cứu tiền nhiệm. Trong mô hình của Frost, có bằng chứng thống kê về hai nhân tố GDP bình quân đầu người và GDP bình quân đầu người bình phương ảnh hưởng tới biến phụ thuộc, còn nghiên cứu của nhóm tác giả kết luận tốc độ tăng trưởng GDP và tăng trưởng GDP bình phương không ảnh hưởng tới khả năng BigTech tham gia vào lĩnh vực tín dụng. Nhân tố tốc độ tăng trưởng GDP bình phương do nhóm tác giả đề xuất bổ sung vào mô hình cũng có mối quan hệ cùng chiều tới khả năng BigTech mở rộng sang tín dụng. Frost và cộng sự (2020)

khẳng định mật độ chi nhánh ngân hàng có tác động tới biến phụ thuộc, và đó cũng là kỳ vọng của nhóm tác giả, tuy nhiên kết quả nghiên cứu này không tìm thấy bằng chứng có ý nghĩa thống kê để chứng minh giả thiết này. Các nhân tố bao gồm Khủng hoảng kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP, tỷ lệ sử dụng điện thoại di động, tín dụng trong khu vực phi tài chính cá nhân, ngược lại, có tác động tới khả năng Bigtech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng như đã đề cập ở trên ở mức độ tin cậy 95% trong khi nghiên cứu tiền nhiệm chưa khẳng định được các mối quan hệ này ở cùng mức độ tin cậy.

5. Đánh giá khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng tại Việt Nam

Từ tổng quan nghiên cứu và kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả liên hệ thực tiễn tại Việt Nam để tìm hiểu và phân tích thực trạng các nhân tố trong mô hình nghiên cứu, cụ thể như sau:

Về chỉ số năng lực độc quyền của ngân hàng

Theo Phạm Minh Điền và cộng sự (2017), chỉ số Lerner được đo lường bằng chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí trên tổng doanh thu.

Công thức:

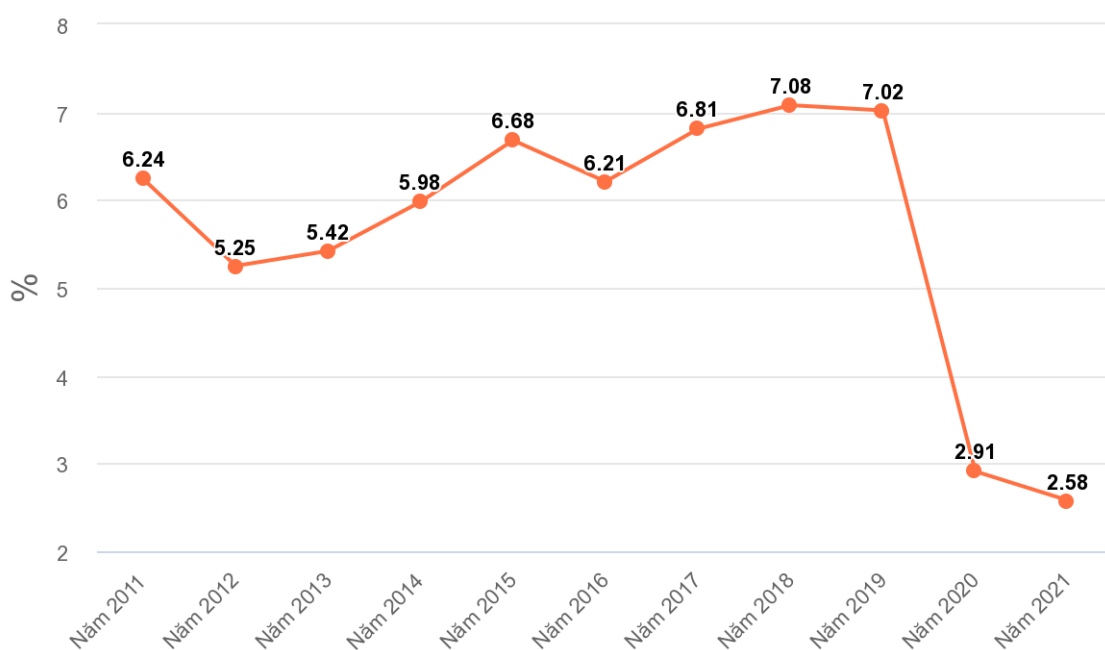
Thị trường ngân hàng ở Việt Nam hiện nay tồn tại nhiều ngân hàng có quy mô nhỏ với vốn điều lệ thấp, do đó mức độ cạnh tranh của thị trường ngân hàng là rất cao. Mức độ cạnh tranh thị trường cao thể hiện qua chỉ số Lerner thấp. Cụ thể chỉ số Lerner tại Việt Nam trong giai đoạn 2004- 2014 được thể hiện ở Hình 2.

Khi thị trường ngân hàng cạnh tranh gay gắt, các ngân hàng cung cấp dịch vụ tín dụng với nhiều ưu đãi khác nhau, chỉ số năng lực độc quyền của ngân hàng- Lerner sẽ ở mức thấp. Chính vì thế khả năng mở rộng sang lĩnh vực tín dụng của BigTech sẽ giảm. Tuy nhiên trong những năm gần đây, NHNN đã đưa ra nhiều quy định để kiểm soát mức độ gia tăng số lượng các NHTM và các chi nhánh ngân hàng, điều đó cũng khiến chỉ số Lerner của các NHTM Việt

Nam chỉ có giao động nhỏ. Bên cạnh chỉ số Lerner, các BigTech sẽ cân nhắc có nên hay không tham gia vào lĩnh vực này dựa trên những điều kiện khách quan và lợi thế của chính họ.

Về tín dụng khu vực phi tài chính cá nhân

Theo Thông tư số 02/2020/TT-BKHĐT quy định phân loại khu vực thể chế áp dụng trong thống kê Việt Nam ngày 23/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, khu vực thể chế phi tài chính áp dụng trong thống kê Việt Nam bao gồm: Khu vực phi tài chính nhà nước, khu vực phi tài chính ngoài nhà nước và khu vực phi tài chính có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Do đó, tại Việt Nam không có sự phân chia rõ ràng về việc phân loại các khu vực phi tài chính. Vì thế, nhóm tác giả không có số liệu cụ thể về hoạt động cấp tín dụng dành cho khu vực phi tài chính cá nhân như các quốc gia khác. Điều đó gây khó khăn trong việc đánh giá khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng tại Việt Nam khi dựa vào



Nguồn: VOA (2021)

Hình 3. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong giai đoạn 2011- 2021

nhân tố này.

Về tốc độ tăng trưởng GDP

Với những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, tăng trưởng GDP cả năm 2020 của Việt Nam chỉ đạt 2,91%, thấp nhất trong một thập niên 2011- 2020. Đáng chú ý đến năm 2021 có mức GDP tăng trưởng thấp, đặc biệt là trong quý III với tốc độ tăng trưởng âm 6,02% so với cùng kỳ năm 2020. Nhưng đến 3 tháng cuối năm, nền kinh tế đã phục hồi khá nhanh chóng với tốc độ tăng trưởng GDP ước tăng 5,22%, cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020, đưa tổng sản phẩm trong nước năm 2021 ước tính tăng 2,58% (Tổng cục Thống kê, 2021). Cụ thể, tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn từ năm 2011- 2021 được thể hiện thông qua Hình 3.

Theo Tạp chí điện tử Tài chính (2022), ông Jonathan Pincus, Cố vấn kinh tế cao cấp của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) cho rằng, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có thể đạt 6,3% trong năm 2022. Tốc độ tăng trưởng GDP càng tăng cho thấy lượng vốn của người dân dư thừa, cầu tín dụng giảm. Khi đó hạn chế khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng trong tương lai gần.

Về tỷ lệ sử dụng điện thoại di động

Theo báo cáo của Bộ Thông tin & Truyền thông (2021), tỷ lệ thuê bao sử dụng smartphone trên tổng thuê bao điện thoại di động đã tăng liên tục từ 59,2% năm 2018 lên đến 75% vào năm 2021 (Ictnews, 2021). Theo báo Hà nội mới (2022), kế hoạch năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đưa ra một trong những nhiệm vụ trọng tâm là sửa đổi Luật Viễn thông, theo đó xây dựng cơ chế hỗ trợ, quản lý và giám sát hoạt động triển khai Mobile Money... Những điều kiện thuận lợi trên tạo cơ hội cho Mobile Money phát triển tại Việt Nam,

giúp họ dễ dàng mở rộng sang lĩnh vực khác, đặc biệt là lĩnh vực tín dụng.

Bên cạnh các điều kiện khách quan tại Việt Nam, khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng còn phụ thuộc vào lợi thế của họ. Sự gia nhập của Mobile Money ở mảng dịch vụ thanh toán đánh dấu việc BigTech có mặt tại Việt Nam. Dựa vào kết quả mô hình nghiên cứu ở phần 4 và thực trạng các nhân tố tại Việt Nam ở phần 5, nhóm tác giả nhận định rằng khả năng BigTech sẽ chưa mở rộng ngay sang lĩnh vực tín dụng. Tuy nhiên, có thể trong tương lai, khi 6 nhân tố tác động thay đổi sẽ tạo điều kiện thuận lợi để BigTech lấn sân sang các lĩnh vực dịch vụ tài chính khác như quản lý tài sản, bảo hiểm, huy động vốn..., đặc biệt sẽ tập trung phát triển mạnh ở thị trường tín dụng vì lĩnh vực tín dụng sẽ đem lại nhiều nguồn thu đa dạng hơn cho BigTech, giúp họ chiếm dụng thêm thị phần trong nền kinh tế. Chính vì thế, khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng ở Việt Nam trong tương lai là rất cao.

6. Kết luận và một số khuyến nghị

Xuất phát từ những thực trạng trên, với thực tế BigTech đã xuất hiện tại Việt Nam và có thể lấn sân sang lĩnh vực tín dụng trong tương lai, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm khuyến khích BigTech phát triển và hạn chế rủi ro mà họ đem lại cho các NHTM Việt Nam như sau:

Đối với Chính phủ: Chính phủ cần tạo điều kiện cho các BigTech hoạt động tại thị trường Việt Nam với mục tiêu thúc đẩy cạnh tranh và phát triển nền kinh tế bằng cách cấp giấy phép hoạt động cho các BigTech và điều chỉnh khung pháp lý chặt chẽ nhưng vẫn đảm bảo BigTech có thể thuận lợi hoạt động và phát triển các sản phẩm của họ.

Ngoài ra, khi các BigTech tham gia vào

thị trường tài chính Việt Nam sẽ làm nảy sinh một số vấn đề về bảo vệ quyền riêng tư của dữ liệu, bảo vệ người tiêu dùng và an ninh mạng. Một công ty BigTech cung cấp dịch vụ của bên thứ ba cho nhiều tổ chức tài chính- cho dù là lưu trữ, truyền tải hay phân tích dữ liệu, có thể gây ra rủi ro hệ thống nếu có sự cố hoạt động hoặc bị tấn công mạng. Cơ quan quản lý cần lường trước để có biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm và giáo dục người tiêu dùng về cách họ sử dụng dữ liệu, tránh phân biệt trong việc chấm điểm tín dụng, cung cấp tín dụng và bảo hiểm. Do đó, Chính phủ cần đưa ra những quy định, bộ luật về bảo vệ quyền lợi của người sử dụng dịch vụ và các tổ chức tài chính, từ đó sẽ giảm thiểu rủi ro cho hệ thống tài chính.

Đối với NHTM Việt Nam: Khi BigTech xâm nhập vào thị trường thì các ngân hàng cần có sự chuẩn bị kỹ càng và những biện pháp giảm thiểu rủi ro mà các BigTech đem lại. Cụ thể:

Thứ nhất, các NHTM cần giữ vững chất lượng dịch vụ nhằm duy trì sự trung thành của khách hàng. Đây là điều kiện tiên quyết trong chiến lược phát triển của mỗi ngân hàng nói riêng và của cả hệ thống ngân hàng nói chung.

Thứ hai, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, để nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, hệ thống ngân hàng Việt Nam cần tiếp tục đầu tư, cải tiến và nâng cao công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm mang lại tiện ích cho người dùng.

Thứ ba, trong điều kiện cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng như hiện nay, lãi suất cho vay là nhân tố quan trọng để xác định lợi thế cạnh tranh giữa các đơn vị. Do đó,

các ngân hàng cần đưa ra mức lãi suất tín dụng hấp dẫn khách hàng để gia tăng lượng vốn cho vay, từ đó mở rộng thị phần và gia tăng doanh thu cho ngân hàng.

Nhìn chung, khi các BigTech xuất hiện và phát triển tại Việt Nam có thể gây ra những rủi ro cho các NHTM tại Việt Nam do các dịch vụ được cung cấp bởi BigTech tương tự với các mảng dịch vụ mà các NHTM phục vụ khách hàng, đó là thanh toán và tương lai có thể là tín dụng. Trong bối cảnh hiện nay, NHNN cần phối hợp với các cơ quan quản lý để đưa ra khung pháp lý phù hợp nhằm tạo điều kiện cho các BigTech phát triển và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của các công ty này đến hệ thống tài chính. Ngoài ra, các NHTM cũng nên chủ động đổi mới công nghệ, nghiên cứu các mô hình thanh toán hiện đại để cập nhật các xu hướng mới, cạnh tranh được với các BigTech, hạn chế rủi ro mà BigTech đem lại.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là khám phá các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng BigTech mở rộng sang lĩnh vực tín dụng và đưa ra đề xuất cho Chính Phủ cũng như các Ngân hàng Thương mại, nhóm tác giả đã đưa ra được các nhân tố ảnh hưởng đến xác suất BigTech tham gia vào lĩnh vực tín dụng bao gồm: Chỉ số năng lực độc quyền của ngân hàng, Tốc độ tăng trưởng GDP, Tốc độ tăng trưởng GDP bình phương, Tín dụng khu vực phi tài chính cá nhân và Tỷ lệ sử dụng điện thoại di động, từ đó đưa ra các đề xuất. Tuy nhiên, dù nhóm tác giả đã rất cố gắng nhưng dữ liệu của bài nghiên cứu chưa được cập nhật những năm gần đây nên trong những nghiên cứu tiếp theo khi dữ liệu đầy đủ hơn, nhóm tác giả sẽ nghiên cứu sâu hơn về đề tài này. ■

Tài liệu tham khảo

Cornelli, Giulio and Frost, Jon and Gambacorta, Leonardo and Rau, P. Raghavendra and Wardrop, Robert and Ziegler,

- Tania (2020), *Fintech and Big Tech Credit: A New Database* (September 25, 2020). BIS Working Paper No. 887
- Cornelli, Giulio et al. (2021): *Fintech and Big Tech Credit: What Explains the Rise of Digital Lending?*, CESifo Forum, ISSN 2190-717X, ifo Institut- Leibniz-Institut für Wirtschaftsforschung an der Universität München, München, Vol. 22, Iss. 02, pp. 30-34
- David Oliver Bonde & Jannik Ellegaard Hove Pedersen (2018), 'Remaking Banking for a world of BigTech Ecosystems', *Finance & Strategic Management*, Copenhagen Business School
- De la Mano, M., & Padilla, J. (2018). BigTech Banking. *Journal of Competition Law & Economics*, 14(4), 494–526. doi:10.1093/joclec/nhz003
- Frost, J., Gambacorta, L., Huang, Y., Shin, H. S., & Zbinden, P. (2020). BigTech and the changing structure of financial intermediation. *Economic Policy*. doi:10.1093/epolic/eiaa 003
- Hà nội mới (2022), Thuê bao Mobile Money tăng 4 lần so với đầu năm, truy cập ngày 13/8/2022, từ <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Oto-xemay/1037388/thue-bao-mobile-money-tang-4-lan-so-voi-dau-nam>
- MÁRÁCINE, V.; Voican, O.; Scarlat, E (2020). The digital transformation and disruption in business models of the banks under the impact of FinTech and BigTech. *Proc. Int. Conf. Bus. Excell.* 2020, 14, 294–305
- <http://www.worldbank.org/> - Website của Ngân hàng Thế giới
- <https://chinhphu.vn/> - Cổng thông tin điện tử Chính phủ
- <https://moit.gov.vn/?page=home> - Bộ Công Thương Việt Nam
- <https://www.bis.org/> - Ngân hàng Thanh toán Quốc tế
- <https://www.gso.gov.vn/> - Tổng Cục Thống Kê
- <https://www.mpi.gov.vn/Pages/default.aspx> - Bộ Kế hoạch và Đầu Tư
- Ictnews (2021), Việt Nam có gần 93 triệu thuê bao smartphone, truy cập ngày 11/01/2022, từ <https://ictnews.vietnamnet.vn/cuoc-song-so/ca-nuoc-da-co-gan-93-trieu-thue-bao-smartphone-401111.html>
- Kowalewski, Oskar and Pisany, Paweł and Slazak, Emil (2021), What Determines Cross-Country Differences in Fintech and Bigtech Credit Markets? (April 28, 2021). IESEG Working Paper Series 2021-ACF-02
- Kowalewski, Oskar and Pisany, Paweł (2021), Banks' consumer lending reaction to fintech and bigtech credit emergence in the context of soft versus hard credit information processing (October 4, 2021). IESEG Working Paper Series 2021-ACF-07
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2021), Các tập đoàn công nghệ lớn và lĩnh vực dịch vụ tài chính, truy cập ngày 10/01/2022, từ <https://bitly.com.vn/ber74d>
- Phạm Minh Điển và các cộng sự (2017), "Ảnh hưởng của chỉ số Lerner, chỉ số HHI và chi phí cơ hội của dự trữ đến tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của ngân hàng thương mại", *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 13(1), 3-19
- Stulz, R. M. (2019). FinTech, BigTech, and the Future of Banks. *Journal of Applied Corporate Finance*, 31(4), 86–97. doi:10.1111/jacf.12378
- Tạp chí điện tử Tài chính (2022), "Tăng trưởng kinh tế 6,3% trong năm 2022 là hoàn toàn khả thi", truy cập ngày 12/8/2022, từ <https://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/tang-truong-kinh-te-63-trong-nam-2022-la-hoan-toan-kha-thi-344107.html>
- VOA (2021), GDP năm 2021 tăng 2,58%, truy cập ngày 11/12/2021, từ <https://vnexpress.net/gdp-nam-2021-tang-2-58-4409542.html>